

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KỸ THUẬT HẠ TẦNG GIA PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KỸ THUẬT HẠ TẦNG GIA PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400856776

3. Ngày thành lập: 10/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Cầu Trong, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 02046268999

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
3.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
4.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
5.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
6.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
7.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
8.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
9.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
10.	Xây dựng công trình thủy	4291
11.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
12.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
13.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
14.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
15.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
16.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
17.	Phá dỡ	4311
18.	Bán mô tô, xe máy	4541
19.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
20.	Bán buôn thực phẩm	4632
21.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Bán buôn tổng hợp	4690
25.	Chăn nuôi khác	0149
26.	Thu nhập lâm sản khác trừ gỗ	0232
27.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
28.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
29.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
30.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
31.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
32.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
33.	Khai thác gỗ	0220
34.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
36.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
37.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
39.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
40.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
41.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
42.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
43.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
44.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
45.	Bán buôn đồ uống	4633
46.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
49.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
50.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
51.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
53.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
55.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
56.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

57.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
58.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
59.	Sản xuất giày, dép	1520
60.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
61.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
62.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
63.	Trồng cây ăn quả	0121
64.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
65.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
66.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
67.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
68.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
69.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
70.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
71.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
72.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
73.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
74.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
75.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
76.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
77.	Trồng cây hàng năm khác	0119
78.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
79.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
80.	Chăn nuôi gia cầm	0146
81.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
82.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
83.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
84.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
85.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
86.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
87.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030(Chính)
88.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
89.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
90.	Xây dựng nhà để ở	4101
91.	Xây dựng nhà không để ở	4102
92.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
93.	Xây dựng công trình điện	4221

